



DANH SÁCH SINH VIÊN ĐHCQ K11 THI HẾT HỌC PHẦN KỲ 1 NĂM HỌC 2025-2026

Học phần: Quản trị giá

STT	SBD	Mã SV	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	Lớp	Lớp HP	Phách	Điểm thi	Số tờ	Ký nộp	Ghi chú
1	000001	1001030701	Trương Thị	Thoan	09/09/2003	QM10A	01	1	4,8	01	Thao	lẻ - B ²
2	000002	1001030556	Lê Đức	Hiếu	25/10/2004	QM10B	01	2	1,0	01	Đức	chẵn
3	000003	1001030592	Nguyễn Trung	Kiên	31/08/2004	QM10B	01	3	4,0	01	Kiên	lẻ
4	000004	1001030661	Nguyễn Hà	Phong	09/01/2004	QM10B	01	4	1,0	01	Phong	HP (ĐV)
5	000005	0901030245	Hoàng Phương	Anh	19/11/2002	QM11A	01	5	5,3	01	Phong	lẻ
6	000006	1001030471	Lê Thị Kim	Anh	17/07/2002	QM11A	01	6	9,0	01	Kim	chẵn
7	000007	1101030470	Lưu Thị Phương	Anh	08/07/2005	QM11A	01	7	5,5	01	Phương	lẻ
8	000008	1101030471	Ngô Kim	Anh	01/09/2005	QM11A	01	8	6,5	01	Kim	chẵn
9	000009	1101031361	Ngô Thị Lan	Anh	01/09/2005	QM11A	01	9	2,5	01	Lan	lẻ
10	000010	1101031150	Nguyễn Tài Tuấn	Anh	05/11/2005	QM11A	01	10	4,5	01	Tài Tuấn	chẵn
11	000011	1101030482	Phạm Quốc	Anh	27/09/2005	QM11A	01	11	3,5	01	Quốc	lẻ
12	000012	1101030484	Phạm Tuấn	Anh	14/07/2005	QM11A	01	12	4,5	01	Tuấn	chẵn
13	000013	1101030486	Phạm Việt	Anh	24/11/2005	QM11A	01	13	4,0	01	Việt	lẻ
14	000014	1101031155	Trần Đức	Anh	22/01/2005	QM11A	01	14	1,3	01	Đức	chẵn
15	000015	1101031156	Trịnh Xuân	Anh	18/08/2005	QM11A	01	15	4,5	01	Xuân	lẻ
16	000016	1101030494	Hoàng Thị Ngọc	Ánh	04/03/2005	QM11A	01	16	2,3	1	Ánh	chẵn
17	000017	1101031157	Trương Thị Minh	Ánh	08/05/2005	QM11A	01					HP, ĐK
18	000018	1101030501	Nguyễn Ngọc	Bích	10/09/2005	QM11A	01	17	2,3	01	Bích	chẵn
19	000019	1101030503	Nguyễn Thị Thanh	Bình	03/02/2005	QM11A	01	18	4,5	01	Bình	lẻ
20	000020	1101031387	Dương Hải	Đặng	20/12/2004	QM11A	01	19	1,0	01	Hải	chẵn
21	000021	1101030340	Vũ Tiến	Đạt	20/10/2005	QM11A	01	20	7,0	01	Tiến	lẻ
22	000022	1001030514	Vương Thành	Đạt	01/11/2004	QM11A	01	21	1,5	01	Đạt	chẵn
23	000023	1101031175	Hà Thị Thùy	Duyên	30/07/2005	QM11A	01	22	8,0	01	Duyên	lẻ
24	000024	1101030532	Nguyễn Thị Mỹ	Duyên	15/11/2005	QM11A	01	23	7,3	01	Duyên	chẵn
25	000025	1101030533	Nguyễn Thu	Giang	31/12/2005	QM11A	01	24	3,5	01	Thu	lẻ
26	000026	1101031179	Đỗ Hoàng	Hà	31/07/2005	QM11A	01	25	2,3	01	Hà	chẵn
27	000027	1101031369	Nguyễn Hữu	Hải	13/06/2005	QM11A	01	26	5,5	01	Hữu	lẻ
28	000028	1101030540	Đào Lệ	Hằng	05/04/2005	QM11A	01	27	3,0	01	Lệ	chẵn

STT	SBD	Mã SV	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	Lớp	Lớp HP	Phách	Điểm thi	Số tờ	Ký nộp	Ghi chú
29	000029	1101030544	Lê Thị Thu	Hiền	08/07/2005	QM11A	01	28	8,0	1	Niên	lẻ
30	000030	1101031185	Nguyễn Thu	Hiền	09/07/2005	QM11A	01	29	4,3	1	Hiền	chẵn
31	000031	1101030549	Quách Văn	Hiệp	04/11/2005	QM11A	01	30	4,3	1	Huỳnh	lẻ
32	000032	1101030550	Trần Minh	Hiếu	17/09/2005	QM11A	01	31	7,0	1	Hiếu	chẵn
33	000033	1101030551	Nguyễn Phương	Hoa	24/04/2005	QM11A	01	32	5,8	1	Hoa	lẻ
34	000034	1101031191	Lương Tiến	Hoàng	14/01/2003	QM11A	01	33	0=0	1*	Hồng	chẵn
35	000035	1101030554	Hồ Thị	Hồng	07/07/2005	QM11A	01	34	2,5	1	Hồng	lẻ

Tổng số sinh viên dự thi: 34....

Tổng số tờ giấy thi: 34....

Tổng số biên bản: 2....

Ngày 16 tháng 1 năm 2026

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

Phạm T. Hoàng

Hoàng Thị Mân



DANH SÁCH SINH VIÊN ĐHCQ K11 THI HẾT HỌC PHẦN KỲ 1 NĂM HỌC 2025-2026

Học phần: Quản trị giá

STT	SBD	Mã SV	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	Lớp	Lớp HP	Phách	Điểm thi	Số tờ	Ký nộp	Ghi chú
1	000036	1101030577	Đặng Ngọc	Khánh	07/12/2005	QM11A	01	35	5.0	01	Khánh	chấn
2	000037	1101030585	Lê Mai	Lan	20/09/2005	QM11A	01	36	6.0	01	Lan	lẻ
3	000038	1101030591	Đỗ Khánh	Linh	20/03/2005	QM11A	01	37	6.5	01	Linh	chấn
4	000039	1101030596	Lê Thuý	Linh	04/09/2005	QM11A	01	38	3.5	01	Linh	lẻ
5	000040	1101030602	Nguyễn Thị Thùy	Linh	10/07/2005	QM11A	01	39	2.5	01	Linh	chấn
6	000041	1101030611	Bùi Ngọc	Long	26/04/2005	QM11A	01	40	2.5	01	Long	lẻ
7	000042	1101030615	Trần Thị Diệu	Ly	04/11/2005	QM11A	01	41	2.3	01	Ly	chấn
8	000043	1101030623	Vũ Thị Thanh	Mai	01/04/2005	QM11A	01	42	5.5	01	Mai	lẻ
9	000044	1101031376	Phùng Đắc	Mạnh	11/09/2002	QM11A	01	43	4.3	01	Mạnh	chấn
10	000045	1101030636	Ngô Thị Ngọc	Nga	09/01/2005	QM11A	01	44	5.3	01	Nga	lẻ
11	000046	1101030650	Bùi Thảo	Nguyên	09/10/2005	QM11A	01	45	5.3	01	Nguyên	chấn
12	000047	1101031220	Tạ Thị Hồng	Nhung	16/08/2005	QM11A	01	46	5.3	01	Nhung	lẻ
13	000048	1101030355	Lê Kiều	Oanh	07/09/2005	QM11A	01	47	3.0	01	Oanh	chấn
14	000049	1101030670	Lê Minh	Phuong	04/08/2005	QM11A	01	48	3.0	01	Phuong	lẻ
15	000050	1101030677	Nguyễn Anh	Quân	04/08/2005	QM11A	01	49	6.3	01	Quân	chấn
16	000051	1001030679	Trần Khánh	Quỳnh	01/11/2004	QM11A	01	50	3.0	01	Quỳnh	lẻ
17	000052	1101030693	Nguyễn Trọng Chiến Thắng		13/07/2005	QM11A	01	51	4.0	01	Chiến	chấn
18	000053	1101030704	Trần Thị Thu	Thảo	11/08/2005	QM11A	01	52	5.0	01	Thảo	lẻ
19	000054	1101030898	Nguyễn Đức	Thịnh	18/11/2005	QM11A	01	56	4.0	01	Thịnh	chấn
20	000055	1101030708	Nguyễn Thị Tâm	Thư	16/11/2005	QM11A	01	53	6.3	01	Thư	lẻ
21	000056	1101030710	Nguyễn Hương	Thúy	27/05/2005	QM11A	01	57	6.5	01	Thúy	chấn
22	000057	1101030715	Nguyễn Thị Thanh	Trà	01/09/2005	QM11A	01	54	6.0	01	Trà	lẻ
23	000058	1101030718	Bùi Thị Thùy	Trang	06/08/2005	QM11A	01	58	3.5	01	Trang	chấn
24	000059	0901030960	Lê Thị Thanh	Trúc	14/12/2003	QM11A	01	59	5.3	01	Trúc	lẻ
25	000060	1101030736	Đoàn Khánh	Tùng	13/11/2005	QM11A	01	55	5.0	01	Tùng	chấn
26	000061	1101030737	Lương Khánh	Tùng	22/03/2005	QM11A	01	60	7.0	01	Tùng	lẻ
27	000062	1001030744	Dương Thị Hải	Yến	22/11/2004	QM11A	01	61	5.5	01	Yến	chấn
28	000063	1101030757	Lê Hải	Yến	20/06/2005	QM11A	01	62	5.0	01	Yến	lẻ

STT	SBD	Mã SV	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	Lớp	Lớp HP	Phách	Điểm thi	Số tờ	Ký nộp	Ghi chú
29	000064	1001030557	Nguyễn Ngọc	Hiếu	28/06/2004	QT10A	01					HP, ĐK
30	000065	1001030502	Phạm Minh	Chiến	23/09/2004	QT10B	01	63	2,5	01	Ch	Đề chuẩn k?
31	000066	1001030504	Hà Văn	Chung	30/06/2003	QT10B	01	64	2,0	01	Ch	HP ch?
32	000067	1001031207	Trương Mạnh	Cường	10/02/2004	QT10B	01	65	2,8	01	Cường	k?
33	000068	1001030531	Đoàn Quang	Duy	29/12/2004	QT10B	01	66	4,0	01	Duy	HP th?
34	000069	1001030575	Vũ Đức Quang	Huy	27/10/1999	QT10B	01	67	3,5	01	Huy	HP k?

Tổng số sinh viên dự thi:.....33..

Tổng số tờ giấy thi:.....33..

Tổng số biên bản:.....17..

Ngày ..16 tháng 01 Năm ..2026

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2


Nguyễn T. Ngọc


Nguyễn Hữu Quý